

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2018
*Về tranh chấp hôn nhân
và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quyên.

Ông Nguyễn Chín Hiệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 3, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/9/2018, bản khai, lời khai và lời trình bày của chị Phạm Thị L tại phiên toà với nội dung vụ kiện như sau:

Chị Phạm Thị L và anh Trần Tuấn A lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 21/12/2005. Sau

ngày cưới, vợ chồng về ăn làm cùng gia đình bố mẹ chồng được khoảng 6 tháng thì chuyển về nhà mẹ chị L ở huyện K để làm ăn sinh sống. Khoảng năm 2008, vợ chồng ăn làm riêng và xây nhà cấp 4 trên đất của bố mẹ đẻ chị L. Cuối năm 2014, vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống và anh Trần Tuấn A nghi ngờ chị L ngoại tình với người đàn ông khác. Anh A ghen tuông vô cớ nên thường xuyên đánh chửi chị L nên ngày 18 và 19/9/2016 chị L phải đến nhà anh trai và nhà mẹ đẻ ngủ nhờ. Sáng ngày 20/9/2016, anh A đưa các con về gia đình chồng sinh sống và chuyển trường cho các cháu đến học tại xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Từ đó đến nay vợ chồng tôi sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị L cho rằng, tình cảm giữa chị và anh A không còn, yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Tuấn A.

* Lời trình bày của anh Trần Tuấn A lưu tại hồ sơ:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị L khai là đúng. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì anh bị tai nạn xe máy nên cần phải có thời gian nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe nhưng chị L bắt đầu có thái độ coi thường khinh bỉ chồng. Cũng thời gian này, anh A nghe dư luận bàn tán về việc chị L có quan hệ ngoại tình và đọc được những tin nhắn của chị L với người đàn ông khác thể hiện tình cảm quan tâm đến nhau. Cuối tháng 9/2016, khi vợ chồng cãi nhau, anh A nói hết việc chị L ngoại tình và có đánh chị L, chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh A tìm nhưng chị L không về nên sáng hôm sau anh A cho các con về xã C học. Từ cuối tháng 9/2016 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị L xin ly hôn anh A xin đoàn tụ.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành.

* Về con chung: Chị L và anh A xác nhận: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hải N, sinh ngày 26/01/2007 và cháu Trần Hải L, sinh ngày 07/01/2010. Hiện nay cháu N và cháu L đang ở với anh A. Nếu ly hôn chị L đề nghị nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Anh A đồng ý để chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị L và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà:

Chị Phạm Thị L giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn và đề nghị được nuôi 02 con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp

luật của bị đơn: anh Trần Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Trần Tuấn A là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ tháng 9/2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị L và anh A. Giao cháu N và cháu L cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị L, ý kiến của các cháu và anh A. Các vấn đề khác chị L, anh A không yêu cầu nên không phải giải quyết. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L với anh Trần Tuấn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Trần Tuấn A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh A (bị đơn) theo quy định pháp luật

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Trần Tuấn A là hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh A nghi ngờ chị L ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Từ tháng 9/2016 âm lịch đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết ly hôn giữa chị L và anh A là phù hợp với khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hải N, sinh ngày 26/01/2007 và cháu Trần Hải L, sinh ngày 07/01/2010 hiện đang do anh A nuôi dưỡng. Chị L và anh A đã thỏa thuận khi vợ chồng ly hôn giao cháu N và cháu L cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận của chị L và anh A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với ý kiến của cháu N, cháu L và bà L (mẹ đẻ anh A). Vì vậy, giao cháu N và cháu L cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

- Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Trần Tuấn A.

- Về con chung: Giao cháu Trần Hải N, sinh ngày 26/01/2007 và cháu Trần Hải L, sinh ngày 07/01/2010 cho chị L nuôi dưỡng kể từ ngày 29/11/2018 cho đến khi cháu N, cháu L đủ 18 tuổi, anh Trần Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và các vấn đề khác: Chị L và anh A không yêu cầu do đó không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đồng theo biên lai số AA/2010/04046 ngày 09/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với chị L kể từ ngày tuyên án, đối với anh A thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS L;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thành Nam